

Số: 152/TB-VKS

Yên Bái, ngày 06 tháng 02 năm 2023

## THÔNG BÁO

### Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;  
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái Thông báo công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước của Viện kiểm sát hai cấp năm 2022 như sau:

#### 1. Chi đầu tư phát triển

1.1. Công trình trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái

- Tổng giao vốn: 300.000.000 đồng.
- Thực hiện giải ngân: 300.000.000 đồng.
- Tỷ lệ giải ngân 100 % kế hoạch vốn giao.

1.2. Công trình trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

- Tổng giao vốn: 13.700.000.000 đồng.
- Thực hiện giải ngân: 13.700.000.000 đồng.
- Tỷ lệ giải ngân 100 % kế hoạch vốn giao.

Đơn vị luôn tăng cường kiểm tra, đôn đốc nhà thầu tư vấn giám sát, nhà thầu thi công đẩy nhanh tiến độ. Kịp thời, phối hợp với các nhà thầu tư vấn thiết kế, giám sát, quản lý dự án và nhà thầu thi công tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án.

#### 2. Chi ngân sách nhà nước

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Kinh phí được sử dụng trong năm: 35.767.244.800 đồng

Trong đó: 32.817.400.000 đồng - Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ

2.776.044.800 đồng - Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ

173.800.000 đồng - Kinh phí đào tạo nghiệp vụ

- Thực hiện trong năm: 35.767.244.800 đồng

Trong đó: 32.817.400.000 đồng - Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ

2.776.044.800 đồng - Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ

173.800.000 đồng - Kinh phí đào tạo nghiệp vụ

- Dự toán được chuyển năm sau: 0 đồng
- Dự toán huỷ: 0 đồng

**Kết quả đạt như sau:** (Chi tiết phụ lục đính kèm)

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ 32.817.400.000 đồng, đạt 100% so kế hoạch dự toán giao năm.
- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 2.776.044.800 đồng, đạt 100 % so kế hoạch dự toán năm.
- Kinh phí đào tạo nghiệp vụ: 173.800.000 đồng, đạt 100% so kế hoạch dự toán năm

Chi thường xuyên kinh phí tự chủ và không tự chủ đảm bảo các nhu cầu chi theo dự toán, trong đó có các nhiệm vụ chi thiết yếu như: Chi trả tiền lương, các khoản đóng góp theo lương và các nhiệm vụ cần thiết khác. Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách đảm bảo theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Đơn vị được giao quyền tự chủ về tài chính, sử dụng kinh phí tự chủ đúng quy định. Chủ động tăng cường thực hiện việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và tài sản công theo quy định.

Trên đây là thông báo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái./.

**Nơi nhận:**

- C3 VKSTC (để báo cáo)
- Trang tin điện tử (để đăng tin)
- Lưu VT, KT



**Hà Quốc Đoàn**

Đơn vị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái  
Chương: 004

Phụ lục: 01



**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH  
Năm 2022**

(Kèm theo Thông báo số 152 /TB-VKS ngày 06/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2022	So sánh thực hiện /Dự toán năm (tỷ lệ%)	So sánh thực hiện năm với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>TỔNG SỐ THU, CHI NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
1	Lệ phí				
2	Phí				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				
1	Chi sự nghiệp				
2	Chi quản lý hành chính				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
1	Lệ phí				
2	Phí				
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>35.767.244,8</b>	<b>35.767.244,8</b>	<b>100,0</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>35.593.444,8</b>	<b>35.593.444,8</b>	<b>100,0</b>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	32.817.400,0	32.817.400,0	100,0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.776.044,8	2.776.044,8	100,0	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>173.800,0</b>	<b>173.800,0</b>	<b>100,0</b>	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	173.800,0	173.800,0	100,0	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				

Đơn vị: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái  
Chương: 004



## CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH Năm 2022

(Kèm theo Thông báo số /TB-VKS ngày /02/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái)

Phụ lục: 02

Đơn vị tính: đồng

	Tên đơn vị	Tổng dự toán giao thực hiện trong năm	Tổng số	Thực hiện chi NSNN trong năm 2022			So sánh thực hiện năm /Dự toán năm (tỷ lệ%)	So sánh thực hiện quý với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
				Kính phí thực hiện chế độ tự chủ	Trong đó			
					Kính phí không thực hiện chế độ tự chủ	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		
1	2	3	4	5	6	7	8=4/3	9
1	Văn phòng VKS tỉnh	16.605.544.800	16.605.544.800	13.940.200.000	2.491.544.800	173.800.000	100,0	
2	VKS thành phố Yên Bái	3.041.500.000	3.041.500.000	3.021.000.000	20.500.000		100,0	
3	VKS huyện Yên Bình	2.424.700.000	2.424.700.000	2.407.200.000	17.500.000		100	
4	VKS huyện Trấn Yên	2.071.500.000	2.071.500.000	2.058.000.000	13.500.000		100	
5	VKS huyện Văn Yên	2.087.900.000	2.087.900.000	2.074.400.000	13.500.000		100	
6	VKS huyện Lục Yên	1.723.100.000	1.723.100.000	1.710.600.000	12.500.000		100	
7	VKS huyện Văn Chấn	2.088.300.000	2.088.300.000	2.073.800.000	14.500.000		100	
8	VKS thị xã Nghĩa Lộ	2.184.700.000	2.184.700.000	2.171.200.000	13.500.000		100	
9	VKS huyện Trạm Tấu	1.638.500.000	1.638.500.000	1.616.000.000	22.500.000		100	
10	VKS huyện Mù Cang Chải	1.901.500.000	1.901.500.000	1.745.000.000	156.500.000		100	
<b>Tổng cộng</b>		<b>35.767.244.800</b>	<b>35.767.244.800</b>	<b>32.817.400.000</b>	<b>2.776.044.800</b>	<b>173.800.000</b>		